

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa
Tập 143**

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 14.09.2010

Địa điểm: Hiệp Hội Giáo Dục Phật Đà _HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 165, hàng thứ năm từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ câu “đạo sư giả”. Hai chữ đạo sư này là kinh văn. “Đạo sư là chỉ dẫn mọi người đi vào Phật đạo. Thập Trú Đoạn Kiệt Kinh nói: Hiệu đạo sư, khiến chúng sanh hiểu được chánh đạo của mình. Hoa Thủ Kinh nói: Có thể vì người mà nói đạo không có sanh tử, nên gọi là đạo sư”.

Cách xưng hô này ở trong kinh điển đại thừa, là tôn xưng đối với Đức Phật, không được xưng hô tùy tiện. Trong Phật pháp, cách xưng hô này là thường thức, cần phải biết. Thông thường trong xã hội, danh từ Hòa Thượng ai cũng biết, nhưng bây giờ hàm nghĩa rất mơ hồ, thậm chí sanh ra hiểu lầm nghiêm trọng. Hai chữ này là dịch âm tiếng Phạn, nghĩa của nó là thân giáo sư, nên mối liên quan này vô cùng mật thiết, cũng vô cùng quan trọng.

Trong một trường học, Phật pháp đích thực là trường học, người chủ trì việc giáo hóa là hiệu trưởng, họ nắm giữ chính sách dạy học, do họ mời thầy giáo. Tất cả thầy giáo dạy học đều không thể tách rời tôn chỉ dạy học, khiến việc dạy học đạt đến mục tiêu hoàn thiện nhất. Bởi vậy việc giáo dục làm có thành công hay không, mấu chốt ở vị hiệu trưởng, không do thầy giáo, thầy giáo chỉ chấp hành. Sách lược chung, tổng chỉ huy là người hiệu trưởng, nên Hòa Thượng chính là hiệu trưởng. Một đạo tràng chỉ có một người được gọi là Hòa Thượng, thông thường gọi là phương trượng, trú trì, người này được gọi là Hòa Thượng. Ngoài người này ra, những người xuất gia khác không được gọi là Hòa Thượng, mà gọi là A xà lê. Người xưa có khi ngôn ngữ đơn giản, gọi là Xà lê. Xà lê nghĩa là A xà lê, đều là tiếng Phạn. Xà lê tức là thầy giáo bình thường, như giáo thọ ở trường, giáo thọ trong trường đại học gọi là Xà lê, hiệu trưởng mới gọi là Hòa Thượng, nên Hòa Thượng vô cùng tôn quý. Một đạo tràng lớn chỉ có một vị Hòa Thượng, không có nhiều. Bây giờ, chỉ cần nhìn thấy người xuất gia, người ta đều gọi là Hòa Thượng. Đối với Phật pháp danh từ này là chưa thật sự hiểu rõ, hiểu thật

sự sẽ không có tình hình này, bây giờ cũng rất ít người nói đến vấn đề này. Chúng ta học đến đây, cần phải nói rõ một chút. Bởi vậy, Phật giáo là thầy dẫn đường, nó không phải Tôn giáo, trong Tôn giáo không có xưng hô này_ thân giáo thọ, không có xưng hô này, chỉ có trường học mới có, ở trong trường học đầy đủ điều kiện của một Hòa Thượng, dùng cách nói hiện nay để nói, một người hiệu trưởng của trường, họ thật sự là thân giáo sư. Còn một người nữa cũng có thể gọi là Hòa thượng, đó là người trực tiếp chỉ đạo ta, dạy ta. Quan hệ của người này, tuy họ không phải hiệu trưởng của trường, nhưng mối liên quan của người này với tôi đặc biệt mật thiết, chúng ta học theo họ, hiện nay gọi là giáo thọ chỉ đạo. Trong trường rất nhiều giáo thọ, không có chỉ đạo, chúng ta không học môn của họ, chúng ta chỉ gọi họ- trong Phật giáo gọi là Xà lê, gọi là A xà lê, tức thông thường gọi là thầy giáo. Trực tiếp dạy chúng ta, quan hệ này rất quan trọng, đây cũng có thể gọi là Hòa Thượng.

Phật pháp là sư đạo. Quý vị xem chúng ta xưng Phật, là tôn xưng đối với Phật, Phật là Hòa Thượng. Là hòa thượng thật sự của chúng ta, hòa thượng duy nhất. Phật cũng gọi là đạo sư, nên đạo sư là tôn xưng đối với Phật. Một xưng hô khác gọi là đại sư, đại sư không phải xưng hô tùy tiện, đại sư là xưng hô đối với Phật. Quý vị xem trong truyền thống xưa, những người xuất gia, họ rất có thành tựu, nhưng không được xưng đại sư. Trong Thiên tông họ có thành tựu gọi là Thiên sư, trong giáo môn có thành tựu gọi là pháp sư. Thông đạt tam tạng, quảng học đa văn, thông đạt tam tạng, nghĩa là có tư cách phiên dịch kinh điển, chúng ta gọi là tam tạng pháp sư. Dùng cách xưng hô này, chứ không gọi họ là đại sư. Ngày xưa đế vương phong hiệu cho họ, thông thường gọi là quốc sư, đó đều là phong hiệu, thầy của hoàng đế. Quốc vương, đại thần tiếp thu chỉ dẫn của họ, tiếp thu giáo huấn của họ, xưng là quốc sư. Thông đạt kinh luận gọi là kinh sư, luận sư. Thông đạt giới luật gọi là luật sư. Những xưng hô này đều có sở trường, tam tạng kinh, luật, luận thông đạt giống nhau, là xưng hô như vậy. Xưng pháp sư, xưng đại pháp sư, xưng đại pháp sư là tôn kính, kính xưng đối với họ. Nên những thường thức này chúng ta đều phải biết. Cách xưng hô sai lầm đó điều là người ngoài.

Trong các tông phái khác nhau, người tu học có thành tựu, thông đạt một tông phái, cũng xưng là pháp sư. Đây là thói quen, chúng ta có thể nhìn thấy. Nhưng duy nhất tổ sư của Tịnh độ tông, quen gọi là đại sư, còn tổ sư các Tông phái khác đều không xưng hô như vậy, vì sao vậy? Vì đại sư là Phật. Đại sư ở đây, họ có thể đưa người vào Phật đạo, vào là

khai ngộ, họ có năng lực này. Giúp người tin hiểu chưa đủ, phải giúp người ngộ nhập, người này mới được gọi là đại sư.

Vì sao Tịnh độ tông xưng là đại sư? Đây cũng có đạo lý của nó. Những người tu hành của Tịnh độ tông, họ có thể giúp người học, tức học trò, niệm Phật vãng sanh Tịnh độ, sanh Tịnh độ là thành Phật, không có gì khác với tu học chúng quả đại triết đại ngộ. Đặc biệt là trong kinh điển nói rất rõ ràng, sanh đến thế giới Cực Lạc đều làm Bồ Tát A Duy Việt Trí, như vậy không đáng nể ư? A Duy Việt Trí là người minh tâm kiến tánh, đại triết đại ngộ. Họ vượt ra mười pháp giới, sanh đến cõi thật báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai. Nên Tổ sư Tịnh độ tông được gọi là đại sư. Quý vị xem thông thường chúng ta xưng đại sư Ân Quang, đại sư Huệ Viễn, đây là thói quen trong Phật giáo, chúng ta cần phải hiểu. Đại sư tuyệt đối không được xưng hô tùy tiện, tuy chúng ta rất tôn kính họ, cung kính họ, nhưng không được quá đà. Người xưa gọi là lễ tiết, tiết là có tiết độ, không được vượt quá, gọi đại sư là vượt ra khỏi mức độ. Xem họ giống như Phật, địa vị giống như Phật. Điều này cần phải biết.

Kinh Thập Trụ Đoạn Kiết nói rất hay: “Gọi là đạo sư, khiến chúng sanh hiểu rõ đi vào chánh đạo”, chúng sanh rất nhiều rất rộng, chúng sanh trong mười pháp giới. Có năng lực giúp họ, hướng dẫn họ, dạy rõ chánh đạo. Chánh đạo là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, như vậy gọi là đạo sư. Trong Kinh Hoa Thủ nói: “có thể vì người nói đạo không có sanh tử, gọi là đạo sư”. Không có sanh tử là đại bát niết bàn, đều là giúp chúng sanh siêu phàm thành thánh. Không chỉ là chuyên mê thành ngộ, còn phải chuyên phàm thành thánh, người như vậy mới có thể xưng là đạo sư. Kinh Phật Báo Ân nói: “Đại đạo sư, dùng chánh lộ để nói rõ con đường niết bàn”. Kinh là con đường, con đường này là thông đến bát niết bàn. “Khiến đạt được vô vi thường lạc”, bên dưới có một chú giải: “vô vi là chỉ pháp vô vi, thường lạc là chỉ thường lạc ngã tịnh”, điều này vô cùng rõ ràng. Trong Kinh Hoa Nghiêm là cảnh giới của 41 vị pháp thân đại sĩ, có thể dạy người chứng được pháp thân đại sĩ, người này gọi là đạo sư, gọi là đại đạo sư.

Trong Chân Giải lại nói: “Bậc đạo sư tu hành, tức Di Đà Thế Tôn, bình đẳng tiếp dẫn tất cả mọi người. Còn đại đạo sư, tức Di Đà Thế Tôn, lấy bốn nguyện dẫn nhiếp ngũ thừa”. Chân Giải hoàn toàn y theo Tịnh độ tông mà nói. Đây là trong chú giải Kinh Vô Lượng Thọ nói. “Bậc đạo sư tu hành, tức Di Đà Thế Tôn bình đẳng tiếp dẫn không sót một ai”. Ở đây chú trọng hai chữ bình đẳng. Tiếp nối bên dưới: “bậc đại đạo sư, tức Di Đà Thế Tôn dùng bốn nguyện dẫn nhiếp ngũ thừa”. Quý vị xem ở trước

nói bình đẳng tiếp dẫn tất cả, còn ngũ thừa là nói Nhân thừa, thiên thừa. Hai loài này thông thường gọi họ là tiểu quả nhân thiên, hoặc là nhân thiên thừa, đến tiểu quả đều không nói được, vì sao vậy? Vì chưa ra khỏi luân hồi lục đạo. Thanh văn, Duyên giác là tiểu thừa. Thông thường gọi Thanh văn là tiểu thừa, Duyên giác là trung thừa, Bồ Tát là đại thừa, gọi là ngũ thừa Phật pháp. Ý này chính là nói đạo sư có năng lực, khiến tất cả chúng sanh đều được độ bình đẳng. Điều này chỉ có Phật A Di Đà mới làm được, một số người thật sự không làm được. 48 nguyện của Phật A Di Đà tiếp dẫn tất cả chúng sanh.

Bên dưới Hoàng Niệm Tổ nói với chúng ta: “nên bây giờ Bôn Sư diễn thuyết kinh này”, Bôn Sư là Đức Thế Tôn, ngài là bậc thầy căn bản của chúng ta. Nên mối liên hệ của chúng ta đối với Đức Thế Tôn, chư vị nhất định phải hiểu rõ ràng mối quan hệ thầy trò. Phật là thầy của chúng ta, chúng ta là học trò của ngài, nên tự xưng là đệ tử. Ngày xưa vô cùng chú ý cách xưng hô, vì mắc xích căn bản trong lễ tiết không thể xưng hô sai. Chúng ta đối với bất cứ ai, khiêm tốn đều là xưng danh, đây là cổ lễ.

Hiện nay rất nhiều người không biết, ví dụ chúng ta thấy rất nhiều thứ trước mắt, hoặc là viết văn tự cho chúng ta, tự xưng là mạt học, tự xưng là hậu học, điều này không được, phải như thế nào? Xưng danh. Tôi đối với những người lớn hơn một bậc đều tự xưng là Tịnh Không. Đối với cha mẹ cũng là tự xưng tên, xưng tên là cung kính nhất, cung kính nhất, khiêm tốn nhất. Mạt học, có thể xưng với người ngang hàng, nhưng xưng danh vẫn tốt hơn, đây là cách xưng hô cung kính nhất. Tôn xưng thông thường với đại chúng là xưng thiện tri thức, trong kinh nói: “Thiện nam tử thiện nữ nơn”. Người xưa thường gọi là đại đức, gọi là nhân giả. Cách này đều rất hay, đều là cách xưng hô trong kinh Phật. Đại đức, nhân giả đều là tôn xưng đối với pháp sư A la hán, đây là lễ tiết thông thường.

Hiện nay Bôn Sư Thế Tôn diễn thuyết kinh này, “đúng là trú nơi chỗ tu hành của Phật A Di Đà”. Nơi tu hành của Phật A Di Đà không có gì khác, khắp mười phương thế giới thị hiện giảng kinh thuyết pháp. Những điều này chúng ta đều rất quen thuộc. Cần dùng thân gì để độ họ liền hiện thân đó. Phạm loại chúng sanh không đồng, trình độ khác nhau rất lớn, Phật Bồ Tát giáo hóa chúng sanh khế lý khế cơ. Khế cơ tức là nói nội dung dạy học, thích hợp trình độ của học sinh. Trình độ học trò cạn, quý vị không thể nói quá cao thâm, họ không hiểu, nghe không hiểu. Trình độ học sinh cao, quý vị nói cạn họ không vừa ý. Cần phải thích hợp đúng mức, họ nghe xong mới thấy hoan hỷ, họ nghe mới có tín tâm. Điều này thật sự cần phải có trí tuệ chân thật, không có trí tuệ chân thật,

không thể quán cơ được. Họ vừa nhìn là biết được căn tánh của quý vị, không những biết đời này của quý vị, họ còn biết nhiều đời kiếp quá khứ quý vị học những gì, trong A lại da thức quý vị có chủng tử gì, họ biết hết. Trong lúc này, cần phải nói với quý vị những gì, để những hạt giống trong A lại da thức khởi hiện hành, khởi hiện hành là giúp quý vị ngộ nhập, đây là điều không dễ, là khó cơ. Khế lý lại dễ hơn, lý là gì? Là những gì Chư Phật Như Lai chứng được. Chúng ta học tập kinh giáo thời gian dài, gọi là thâm nhập kinh tạng. Đối với lý sẽ không mê mất, nhưng quán cơ là chân công phu, điều này không dễ. Pháp thế gian đó là kinh nghiệm dạy học, nhưng không sánh được người có tu có chứng, sự quán cơ này phải là công phu đặc lực, không sao sánh bằng họ. Cho nên chúng sanh phải có nhân duyên gặp được Phật Bồ Tát, gặp được Phật, gặp được Bồ Tát, pháp thân Bồ Tát, hầu như không ai không khai ngộ.

Suốt đời chúng ta không gặp được, là nghiệp chướng mình quá nặng, tuyệt đối không phải nói không có cảm ứng với Phật Bồ Tát. Tâm chúng ta cầu Phật, ý niệm vừa khởi, Phật Bồ Tát liền nhận được tin tức của chúng ta, họ lập tức đến giúp. Vì sao chúng ta không thấy không nghe? Đây là nghiệp chướng. Trước đây đại sư Chương Gia nói với tôi về vấn đề này, nghiệp chướng tiêu trừ, cảm ứng liền hiện tiền. Chúng sanh có cảm, Phật nhất định có ứng. Chúng ta rõ ràng cầu Phật Bồ Tát gia trì, đây là hiển cảm, làm gì có chuyện không ứng? Nhân duyên ta thuận thực, tuy chưa có ý niệm cầu Phật, đó gọi là minh cảm, Đức Phật biết cũng đến thị hiện cho quý vị, cũng đến dẫn dắt quý vị, quý vị cũng có thể hoát nhiên đại ngộ, không phải quý vị có tâm cầu. Ngẫu nhiên, hình như rất ngẫu nhiên, thật ra không phải ngẫu nhiên, quý vị là minh cảm, Phật Bồ Tát hiển cảm.

Cách nói này trong kinh, trong điển tịch của lịch đại tổ sư đại đức. Trong trước thuật, truyện ký của họ, chúng ta có thể lãnh hội được chân tướng sự thật này. Là thật, không phải giả. Do đó chúng ta biết, sám trừ nghiệp chướng là phương pháp tu học quan trọng. Trong đời này sở dĩ chúng ta học một cách khó khăn như vậy, thậm chí đời này phương hướng, mục tiêu đều sai, không đạt được quả báo mà chúng ta mong cầu hy vọng, toàn là nghiệp chướng làm chướng ngại. Vì vậy nhất định phải học những người tu học chọn chánh, mỗi ngày sám trừ nghiệp chướng, bản thân chúng ta không biết.

Trong Kinh Địa Tạng nói rất hay: chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, là nói chúng sanh ở địa cầu chúng ta, khởi tâm động niệm không có gì không phải tội, không có gì không phải nghiệp. Lời ngài nói chúng ta tin được chăng? Bình tĩnh tỉ mỉ để lãnh hội, mới thấy ngài nói không sai

chút nào. Chúng ta khởi tâm động niệm, hầu như đều rơi vào tham sân si, đây gọi là tam độc. Khởi tâm động niệm tương ưng với tam độc, như vậy sao không phải là tội nghiệp? Kinh Địa Tạng nói không quá đáng chút nào. Nếu ý niệm này rơi vào danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, đó chính là thâm sân. Tôi đã đạt được, đây là tâm tham, khi chưa đạt được thì có oán hận, có đố kỵ, có tâm sân nhuế, mê mà không giác là ngu si.

Trong Tịnh độ, thế nào gọi là giác ngộ? Đối với tất cả vọng tưởng tạp niệm đều buông bỏ hết, khởi tâm động niệm đều tương ưng với Phật A Di Đà, chính là một câu Phật hiệu, người này thật sự đã giác ngộ, vì sao vậy? Vì họ nhất tâm nhất ý, không có niệm thứ hai, chỉ cầu vãng sanh Tịnh độ, thân cận Di Đà. Người này tuy không giống cảnh giới đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh của Tông môn giáo môn, nhưng hiệu quả và kết quả của họ không có gì khác với những người minh tâm kiến tánh, vì sao vậy? Vì họ cầu vãng sanh, thật sự vãng sanh, vừa đến thế giới Cực Lạc không phải chính là Bồ Tát A Duy Việt Trí ư? A Duy Việt Trí nghĩa là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đây gọi là thật sự giác ngộ.

Ngày nay chúng ta dựa vào Tông môn giáo môn để giác ngộ, khó, quả thật không đơn giản. Tông môn là triệt ngộ, đại triệt đại ngộ. Giáo môn là đại khai viên giải, đạt được tam muội từ trong kinh giáo. Học Hoa Nghiêm được Hoa Nghiêm tam muội, học Pháp Hoa là được Pháp Hoa tam muội. Họ đi là con đường giới định tuệ, rất khó, không phải ai cũng có thể đạt được. Người tu hành rất nhiều, nhưng rất ít người đạt đạo. Tông môn giáo môn đều không ngoại lệ. Duy có Tịnh tông thành tựu thù thắng, nên pháp môn này được Thế Tôn khen ngợi. Thế Tôn vì chúng ta khai diễn bộ đại kinh này, mười phương Chư Phật khen ngợi, làm chứng, giúp chúng ta tin hiểu, phát nguyện tu hành. Ân đức này không gì sánh được, trong pháp thế xuất thế đều không tìm được. Pháp môn này trong kinh nói là đạo thù thắng, thù thắng không gì sánh bằng. Con đường thù thắng chính là niệm Phật vãng sanh, vì sao vậy? Vì đây mới thật sự phổ bị tam căn, viên nhiếp ngũ thừa. Nói thật, không chỉ ngũ thừa, đến súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục đều là do bộ kinh này, pháp môn này, mà có thể được độ. Được độ ở đây không phải được độ bình thường, mà là một đời thành Phật.

Những năm lại đây chúng ta cũng gặp được một số người thông linh, người ta thường gọi là đồng bóng. Những người này cũng không phải hoàn toàn mê tính, họ tham gia tam thời hệ niệm của chúng ta, họ có năng lực thấy được điều mà ta không thấy. Chúng sanh của cõi trời, như

Tứ vương thiên, Đạo lợi thiên của Dục giới thiên rất dễ thấy được. Chúng sanh quỷ đạo, chúng sanh đường địa ngục, có khi đến dựa thể, tôi tin đây không phải giả. Họ lộ tin tức cho chúng ta, những pháp sự này đích thực có hiệu quả, chúng ta nên dùng tâm chân thật để làm.

Cổ nhân nói rất hay, đã nắm bắt được nguyên tắc chung: “thành tức linh”. Cổ nhân tế kỵ, quý vị xem trước khi tế kỵ ba ngày phải tắm rửa trai giới, vì sao vậy? Chân thành cung kính, họ sẽ có cảm ứng, tế thần như thần tại. Chúng ta tổ chức những pháp hội, nếu người lãnh đạo pháp hội này chân thành cung kính, sẽ chiêu cảm được sự thù thắng cho đạo tràng. Những quỷ thần này thật sự có vãng sanh, nên lợi ích của pháp môn này không chỉ ngũ thừa, mà còn có đường súc sanh, cõi trời, đường ngạ quỷ, đường địa ngục, họ đều được lợi ích, nhưng ít. Đa số, những chúng sanh trong đường ngạ quỷ này, đến đường súc sanh, đến cõi người, cũng có một số đến cõi trời. Đây đều là lợi ích chân thật, nên pháp môn Tịnh tông được gọi là đạo tối thắng.

Tịnh Ảnh Sớ nói: “Vô thượng bồ đề là đạo tối thắng”. Vô thượng bồ đề là con đường thành Phật. Pháp môn Tịnh tông này là dạy chúng ta trực tiếp thành Phật, trong một đời nhất định chúng được vô thượng bồ đề, vô thượng chánh đẳng chánh giác, nên gọi là đạo tối thắng. Tất cả chúng sanh, tất cả chúng sanh có duyên đều có thể chúng được, điều này quá hy hữu! Điều kiện chỉ ba chữ: Tín, nguyện, hạnh. Vãng sanh tức là chúng. Đức Phật đến tiếp dẫn, ta vãng sanh, như vậy tức là chúng quả. Nhưng ba chữ tín nguyện hạnh này đều không dễ, xem ra hình như rất dễ, nhưng có mấy người thật tin? Có được mấy người thật sự phát nguyện? Chúng ta đã thấy được, người tin thật, nguyện thật, hành thật, tuyệt đại đa số ba năm là thành tựu, đó là cổ nhân. Trong Vãng Sanh Truyện chúng ta thấy, trong Tịnh Độ Hiền Thánh Lục chúng ta thấy như vậy.

Người bây giờ, người tu hành hiện nay, chúng ta quan sát tỉ mỉ cũng có, khắp nơi đều có, chỉ là rất ít người tuyên dương, thậm chí nói đạo tràng nào cũng có. Người tinh tấn tu hành, y giáo phụng hành họ không tuyên dương. Người thực hành họ vô cùng khiêm tốn, đều cảm thấy bản thân mình, bất luận là về mặt đạo hạnh, tu hành hay tin hiểu đều không bằng người khác, rất khiêm tốn. Nhưng khi họ ra đi, biết trước giờ chết, phần nhiều đều không có bệnh khổ, không tật bệnh mà chết. Khi đi rõ ràng minh bạch, nói với những người quanh mình, nói với họ Đức Phật đã đến tiếp dẫn, tôi đi đây. Khuyến khích mọi người tinh tấn nỗ lực, cố gắng tu hành, tương lai gặp lại ở thế giới Cực Lạc.

Ở HongKong, pháp sư Đàm Hư thường nói, trường hợp trong đời ngài tận mắt chứng kiến, là trước đây, sư Tu Vô ở Chùa Cực Lạc tại Cáp Nhĩ Tân. Những câu chuyện này Phật giáo gọi là công án, chính là một trường hợp. Trong truyện ký của pháp sư Đàm Hư, trong Ảnh Trần Hồi Ước Lục ghi chép rất nhiều. Trong đời pháp sư tận mắt chứng kiến, tự thân tham dự lúc sư Tu Vô vãng sanh. Lúc đó ông là trụ trì Chùa Cực Lạc, Chùa Cực Lạc là ông xây dựng. Khi xây chùa xong, ông mời thầy mình là hòa thượng Đế Nhân mở một giới đàn, mời hòa thượng Đế Nhân làm hòa thượng đặc giới, pháp hội này hơn một tháng.

Sư Tu Vô xuất gia từ sớm, đến xin làm công quả trong giới đàn. Lúc đó là pháp sư Định Tây_sau này đều ở HongKong- hỏi thầy Tu Vô: thầy có thể làm được công việc gì? Sư Vô Tu nói, con hy vọng có thể cho con một cơ hội, là chăm sóc các giới tử bị bệnh trong giới đàn. Vì người rất nhiều, những bệnh như thương hàn cảm mạo cũng cần người chăm sóc, đương nhiên là việc tốt, nên đã lưu lại. Sư không biết chữ, chưa từng đi học. Khi chưa xuất gia sư làm nghề thợ nề, làm tiểu công. Sau khi xuất gia ở trong chùa đều làm những công việc nặng nhọc, người khác không muốn làm sư đều làm, nhẫn nhục chịu khó. Nhưng sư có một ưu điểm là nhất tâm niệm Phật, chuyên niệm Phật A Di Đà, làm việc rất siêng năng. Sư đến Chùa Cực Lạc thời gian chưa được bao lâu, hình như là mười mấy ngày. Sư liền đi tìm Hòa thượng, tức pháp sư Đàm Hư, đến tìm vị trú trì để xin nghỉ. Pháp sư Đàm Hư cảm thấy kỳ lạ, giới đàn vẫn chưa kết thúc, thầy phát tâm đến làm công quả, sao lại thoái đạo tâm rồi, có việc gì quan trọng chẳng? Sư liền nói, con không có việc gì khác, mà con phải đến thế giới Cực Lạc. Hòa thượng nghe vậy liền hỏi, ông biết trước giờ chết? Dạ đúng vậy. Khoảng bao lâu? Không quá mười ngày. Ngài Đàm Hư rất coi trọng, pháp sư Định Tây cũng cảm thấy rất thù thắng hiếm có. Sư yêu cầu chuẩn bị cho sư một gian phòng, chuẩn bị một ít củi, để dùng hỏa hóa khi vãng sanh. Mời vài người bạn đồng tu tiến đưa sư, trợ niệm giúp sư. Hòa thượng đều đáp ứng, được chúng tôi sẽ chuẩn bị.

Đến ngày thứ hai sư lại đến tìm Hòa thượng, bạch hòa thượng, ngày mai con sẽ đi, mọi người liền nhanh chóng chuẩn bị những thứ sư nhờ. Thật vậy, sư đã vãng sanh thật, không phải giả, ngồi kiết già vậy mà ra đi. Lúc đó Hòa thượng Đế Nhân làm đặc giới hòa thượng, vẫn chưa đến thì sư đã vãng sanh. Khi ngài Đế Nhân đến, thấy tình hình này vô cùng tán thán.

Người xuất gia đích thực rất nhiều pháp sư, Hòa thượng nổi tiếng đều không bằng. Người trong chùa đều coi thường sư, nhưng vì là một

người thật sự tu khổ hạnh. Việc khó nhất trong chùa, việc mà người khác không muốn làm, sư đều làm, suốt ngày từ sáng đến tối chỉ một câu Phật hiệu. Ba năm thành tựu, giống như trường hợp này rất nhiều, Phật tử tại gia lại càng nhiều, đa phần đều là những ông bà cụ không biết chữ, thành tựu của họ rất cao. Nên chúng ta thấy được, nghe được, trong lòng phải ghi nhớ, nhất định không được khinh thường những người này.

Họ tu âm thầm, chúng ta không nhìn thấy, sự âm thầm này là gì? Chính là một câu A Di Đà Phật, thật sự làm được như Bồ Tát Đại Thế Chí dạy: “độ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Sáu căn của họ không phan duyên bên ngoài, lời này nói như thế nào? Họ không có tự tư tự lợi, họ không có danh văn lợi dưỡng, họ không tham hưởng thụ ngũ dục lục trần. Chỉ biết phục vụ đại chúng thường trú, hy vọng có thể làm một cách tận thiện tận mỹ, khiến mọi người đều hoan hỷ. Dùng cách này để cúng dường đại chúng, là tu phước, thật sự tu phước, phước huệ song tu. Niệm một câu A Di Đà Phật không gián đoạn, là tu tuệ. Hàng ngày họ làm gì? Mỗi ngày đều phước huệ song tu, thời gian hai ba năm, công phu của họ đã thành tựu. Quý vị thấy họ đi một cách rất tự tại, họ đi rất tiêu sái, thị hiện cho chúng ta thấy. Họ đi như vậy là làm chứng chuyển, một trong tam chuyển pháp luân của Như Lai. Họ không biết giảng kinh, cũng không biết thuyết pháp, cũng không biết làm sao để độ chúng sanh. Chính bản thân họ làm chứng minh cho chúng ta, vấn đề này là thật, không phải giả.

Khi sư Tu Vô vãng sanh, bên cạnh có mười mấy người trợ niệm, thấy sư vãng sanh. Họ nói với sư Tu Vô, các bậc đại đức xưa nay, công phu thuần thực tự tại vãng sanh, đều lưu lại mấy bài thơ, lưu lại bài kệ để chúng ta làm kỷ niệm, sư cũng không thể ngoại lệ. Sư Tu Vô nói, tôi không biết chữ, chưa từng đi học. Tôi cũng không biết làm thơ, cũng không biết làm kệ, chẳng qua tôi có mấy câu muốn nói với quý vị: “Nói được không làm được, không phải chân trí tuệ”. Sư chỉ nói một câu như vậy rồi ra đi. Pháp sư Đế Nhân nghe vậy_những người ở đó nói với ông, quả rất khâm phục!

Cho nên pháp môn này được gọi là đạo tối thắng, là thật không phải giả. Pháp môn này dạy chúng ta một đời chúng được vô thượng bồ đề.

Hội Sớ lại giải thích rằng: “Đối với trong tất cả thế xuất thế gian, không có gì sánh được”. Sánh là nói trong đồng loại có thể sánh với nó, không có. Bất luận là Tông môn giáo môn, Hiền giáo mật giáo, pháp môn niệm Phật quả thật là đệ nhất. Có thể nói nó không có bất kỳ điều

kiện gì, quý vị thấy chỉ đơn giản như thế. Tuyệt đối không được hoài nghi, thâm tín không nghi, thật sự phát đại nguyện. Đời này ta không cầu gì cả, chỉ cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc. Quý vị thấy chỉ một phương hướng, một mục tiêu. Một phương hướng là tây phương, một mục tiêu là thế giới Cực Lạc, một nguyện vọng là thân cận Di Đà, vô cùng đơn thuần.

Hành là gì? Sáu chữ hồng danh, tịnh niệm tương tục. Niệm này gọi là tịnh niệm, vì sao vậy? Vì không có hoài nghi, không có tạp niệm, gọi là tịnh niệm. Bán tín bán nghi, trong niệm Phật xen lẫn nhiều vọng niệm, như vậy không được. Vì sao có tạp niệm? Vì có nghi ngờ, vì chưa buông bỏ, tâm chưa chuyên. Nếu ta chỉ có một phương hướng, một mục tiêu, ngoài ra đều không cần, buông bỏ hết, như vậy làm sao có tạp niệm được? Đó là điều không thể, nhất tâm xưng niệm tức là tịnh niệm. Nếu dùng hai tâm, nhiều tâm xưng niệm, niệm Phật vẫn nghĩ đến những chuyện khác, nên niệm không thanh tịnh, pháp môn này gọi là Tịnh độ. Tâm tịnh tức cõi Phật tịnh, điều đầu tiên là phải nói đến tâm thanh tịnh, không cho phép ta có tạp niệm.

Đời này tôi đến thế gian, gặp được pháp môn này, khi chưa gặp pháp môn này không biết, như vậy gọi là không có phước. Gặp được pháp môn này, gặp được bộ kinh điển này, nói một cách rõ ràng minh bạch. Nếu tôi không y giáo phụng hành, như vậy là bỏ lỡ qua!

Đại sư Thiện Đạo nói, pháp môn này là “vạn người tu vạn người đi”, không sót bất kỳ ai, lời này là thật. Đại sư Thiện Đạo, ở Nhật bản rất nhiều người nói ngài là Phật A Di Đà tái lai, ngày xưa có truyền thuyết này. Tôi đến Nhật phỏng vấn, hỏi những bậc cao tăng của Tịnh độ tông Nhật bản, hỏi họ có biết chuyện này chăng? Họ biết, và tin như vậy. Người Nhật đối với đại sư Thiện Đạo vô cùng sùng kính, rất nhiều chùa thuộc Tịnh Tông lấy tên Chùa Thiện Đạo. Nên khi thấy Chùa Thiện Đạo thì biết đó là đạo tràng Tịnh độ. Vạn người tu vạn người đi, là được nói ra từ kim khẩu của Phật A Di Đà. Ngài Thiện Đạo là Phật Di Đà tái lai, không phải là được nói ra từ kim khẩu của ngài sao? Chúng ta có thể không tin được sao? Phụng hành tức là tin thật, quý vị nói tôi rất tin nhưng không hành trì, như vậy tín và nguyện có vấn đề. Điều này trước đây đại sư Chương Gia nói, ngài nói với tôi: Phật pháp khó biết dễ hành, nếu không thật sự tu, là cái biết của ta có vấn đề. Đại sư nói không phải do hành, mà ở chỗ cái biết, đây là vấn đề thuộc về triết học, khó biết dễ hành. Đây là thật, không phải giả. Vì sao tín tâm chúng ta không kiên quyết, nguyện tâm cũng không kiên định. Chúng ta cũng rất muốn, có nghĩ đến những bậc cao tăng ngày xưa, họ tin sâu nguyện thiết như vậy,

phải làm sao? Phải học nhiều kinh giáo, chúng ta tin mới có thể chân, nguyện mới có thể thiết.

Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, 49 năm giảng kinh thuyết pháp, vì sao vậy? Chúng ta dần dần lãnh hội được, là vì giúp chúng ta tin sâu nguyện thiết. Đây là tin hiểu, còn phần hành chứng ở sau là việc của mình. Người thầy giúp là giúp chúng ta tin thật, thật sự minh bạch, lý giải, sau đó chúng ta cầu chứng từ trong việc tu hành. Pháp môn này lúc lâm mạng chung Đức Phật đến tiếp dẫn, đây là chứng.

Nếu hiểu đã thấu suốt, thật sự minh bạch, chúng ta mới chịu buông bỏ. Chưa hiểu rõ ràng minh bạch, rất khó buông bỏ. Chúng ta buông được pháp thế gian, nhưng Phật pháp không buông được. Phật pháp chưa buông thì không được, vì không thể mang theo.

Trong Kinh Bát Nhã nói rất hay, Đức Phật dùng ví dụ để nói: Phật pháp ví như qua sông, qua sông cần có thuyền, đi bằng thuyền, Đức Phật dùng chiếc thuyền để làm ví dụ. Quý vị lên thuyền tức là đã học tập Phật pháp, có nghĩa là ngồi lên thuyền để qua sông. Đến bờ phải ra khỏi thuyền mới được, nếu không xuống thuyền không thể lên bờ. Nếu ta muốn đến bỉ ngạn, phải buông bỏ Phật pháp, nó không phải chân. Trong Kinh Kim Cang nói: “Pháp còn phải xả, huống gì phi pháp”. Pháp là Phật pháp. Dù quý vị học nhiều đến đâu, cũng phải buông bỏ, phải xả bỏ, huống gì là pháp thế gian! Pháp thế xuất thế gian đều phải buông bỏ hết, như vậy mới có thể vãng sanh. Phật pháp có hay chăng? Ngũ kinh nhất luận của Tịnh tông rất hay, đây là gì? Đây là chiếc thuyền đại nguyện độ chúng sanh của Phật A Di Đà, chúng ta học tập là ví như lên thuyền. Từng giờ từng phút cần phải biết, khi ta buông bỏ là lập tức đến bỉ ngạn, đến nơi phải buông bỏ hết, sau cùng chỉ còn một câu A Di Đà Phật. Bây giờ đã thấu đạt, thật sự rõ ràng minh bạch, chúng ta bắt đầu thực hành từ bây giờ.

Ở trước đã từng nói với quý vị, trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, xem hết thấy nhân sự vật là Phật A Di Đà. Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, trong ngoài đều là Phật A Di Đà. Có Phật A Di Đà, thì những thứ khác buông bỏ. Công phu luyện được trong cuộc sống hằng ngày, trải việc để luyện tâm. Rèn luyện khi làm việc, luyện khi đối nhân tiếp vật. Ở đây quan trọng nhất là buông bỏ cái ta, tuyệt đối không chấp trước thân này là ta. Cái ta buông bỏ là hiện tượng gì? Đoạn tận ý niệm tự tư tự lợi, không còn. Đoạn tận ý niệm này, danh văn lợi dưỡng tự nhiên không còn, tham niệm đối với ngũ dục lục trần, tham sân si cũng không còn.

Bởi thế người niệm Phật vãng sanh, họ sanh đến thế giới Cực Lạc, được oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, hưởng đãi ngộ của Bồ Tát A Duy Việt Trí, ngài có đạo lý trong đó. Thông thường chúng ta nói Phật Bồ Tát gia trì chúng ta là tương đối, chúng ta có một phần công đức ngài liền gia trì một phần, có hai phần công đức ngài gia trì hai phần, nhất định tương đương với những gì ta tu được. Nếu trong tâm ta không có tạp niệm, chỉ có một câu Phật hiệu này, tuy chưa khai ngộ nhưng đến thế giới Cực Lạc được Phật lực gia trì, liền đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, được sanh về cõi nào? Cõi thật báo trang nghiêm. Phạm phu sanh đến cõi thật báo trang nghiêm, đây gọi là pháp khó tin. Tu hành các pháp môn khác vô cùng khó khăn, phải đoạn kiến tư phiền não. Ở trong pháp môn này, chỉ cần giữ vững danh hiệu Phật A Di Đà, những thứ khác buông bỏ là đạt được. Nên pháp môn này gọi là đạo tối thắng, không quá đáng! Tất cả pháp thế xuất thế gian không có gì sánh được, là thật không phải giả.

Bên dưới trong Chân Giải cũng nói như vậy. Chân Giải nói: “Đạo tối thắng là con đường niệm Phật vãng sanh, đối với tất cả pháp phương tiện, nó là vô thượng tối thắng”. Giải thích của chư vị cao tăng vô cùng quan trọng! Tiếp theo lại nói: “Đạo tối thắng là đức giải thoát”. Đây là tam đức mật tạng mà trong Phật pháp đại thừa thường nói, tam đức trong tự tánh. Thứ nhất là pháp thân đức, thứ hai là bát nhã đức, thứ ba là giải thoát đức. Chư vị nên biết, những thứ này vốn có trong tự tánh.

Người nào chứng được tam đức? Những người minh tâm kiến tánh, trong Kinh Hoa Nghiêm là viên giáo sơ trụ trở lên. Cũng tức là nói khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước đều đã đoạn tận, hàng thượng thượng căn, như Đức Thế Tôn, đại sư Huệ Năng vậy. Trong một đời thật sự có thể làm được đốn xả, đốn ngộ, đốn chứng không phải số ít người, nhưng thời gian dài ngắn không giống nhau. Đức Thế Tôn biểu hiện cho chúng ta thấy, chúng ta biết đó là thị hiện. Đốn ngộ, đốn chứng chỉ trong một niệm, buông bỏ tất cả những gì tu học được của 12 năm, đây là gì? Đây là biểu diễn cho hàng phần tử tri thức như chúng ta hiện nay thấy. Phần tử tri thức hiếu học, quảng học đa văn, học được là gì? Những gì học được gọi là sở tri chướng, vì sao vậy? Trong tự tánh vốn không có những thứ này, bát nhã vô tri, trong bát nhã không có những thứ đó, đây là gì? Là tri thức, trong tự tánh không có tri thức, chỉ có trí tuệ. Tri thức chướng ngại trí tuệ, vì thế nếu không xả bỏ ta không thể kiến tánh, không thể được tam muội. Không thể không biết điều này. Hai loại chướng ngại, hầu như ai cũng có. Phiền não chướng và sở tri chướng, gọi là hai chướng. Buông bỏ chướng ngại, tự tánh liền hiện tiền. Trừ

được bóng tối, ánh sáng sẽ xuất hiện. Tối sáng là nhất thể, mê ngộ cũng là nhất thể, nhưng tự tánh không có mê ngộ. Khi mê nó không hiện hành, nó bị chướng ngại, buông bỏ chướng ngại, nó hiện tiền ngay. Vốn là sáng, không có mê.

Các bậc cổ thánh tiên hiền nói vấn đề này rất gần với những gì Phật nói. Trong Đại Học nói: “minh minh đức”, minh đức là gì? Nếu dùng Phật pháp để giải thích, thì minh đức là bát nhã đức, chữ đức ở sau thì sao? Trong chữ đức bao hàm pháp thân đức và giải thoát đức, có thể nói như thế. Nên Townenbe nói: Phật pháp đã làm phong phú nền văn hóa truyền thống xưa. Nâng nó lên không khác gì Hoa Nghiêm. Vì sao trước minh đức thêm vào chữ minh? Chắc chắn hiện nay không còn sáng suốt, đã mê muội, làm sao để khôi phục minh đức? Cần phải minh minh đức, minh đức là vốn có, ở trước thêm chữ minh, là do hiện tại không được sáng suốt, không rõ về minh đức. Công phu tu học hiện nay chính là phải minh minh đức. Trong thế pháp hay Phật pháp, trong minh minh đức, trong tất cả pháp phương tiện, thì niệm Phật là vô thượng tối thắng, tức là dùng câu Phật hiệu này. Vì khó khăn nhất của phàm phu là phải xả bỏ cả không hữu nhị biên, quá khó, không phải trú không, tức trú hữu. Bây giờ Đức Phật dạy phương pháp cho chúng ta, là buông bỏ không hữu nhị biên, chỉ trú vào Phật A Di Đà, phương pháp này quá vi diệu! Chỉ có A Di Đà Phật, ngoài ra không quan tâm gì cả, chỉ sống chết với một câu A Di Đà Phật. Cổ nhân nói: Nếu gặp được Di Đà, lo gì không khai ngộ. Chỉ cần vãng sanh thấy được Phật A Di Đà, sẽ đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, thành tựu này vô cùng lớn lao!

Người dùng phương pháp này thành tựu, so với tu thiền, tu mật, dạy học dễ hơn nhiều, thù thắng hơn nhiều, quả thật không sao sánh được. Khiến người chưa đạt được nhất phẩm phiền não, trong một đời có thể viên chứng vô thượng bồ đề. Quý vị xem phương pháp này vi diệu biết bao! Cho nên “đạo tối thắng là giải thoát đức”.

Trong Kinh Niết Bàn nói: “Vô thượng thượng, chân giải thoát”, thượng của vô thượng là chân thật giải thoát. “Nên vô thượng thượng”, tức là “tối thắng nghĩa”, không có gì tối thắng hơn. Cho nên “hai thuyết của Chân Giải hỗ tương tương trưng cho nhau. Vì niệm Phật tức là đạo tối thắng vô thượng thượng, vãng sanh nhất định chứng niết bàn”. Khi vãng sanh lúc nào mới chứng? Những gì tôi nói với quý vị, nếu quý vị tin, thật sự có thể buông bỏ tất cả pháp thế xuất thế gian. Tôi tin rằng vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, khi quý vị gặp được Phật A Di Đà là chứng được. Ta chứng được, thân chứng không cần oai thần bản nguyện

của Phật A Di Đà gia trì, vẫn là Bồ Tát A Duy Việt Trí, đó là gì? Là khi ta chưa chứng, được Phật gia trì.

Tôi tin có rất nhiều, rất nhiều người đến thế giới Cực Lạc, gặp được Phật A Di Đà lập tức chứng được, vì sao vậy? Vì họ đã đoạn tận sạch sẽ, pháp thế xuất thế đều buông bỏ, sau cùng chỉ còn lại duy nhất một câu A Di Đà Phật. Đến thế giới Cực Lạc vừa thấy được Phật A Di Đà, toàn bộ vấn đề được giải quyết. Đây là thật, không phải giả.

Đời này chúng ta quả thật quá may mắn, gặp được pháp môn thù thắng như vậy, đúng như cư sĩ Bành Tế Thanh nói: Một ngày hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay. Chúng ta đã gặp được. Khai Kinh Kệ là Võ Tắc Thiên viết, bà viết rất hay: “bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ”, đời này chúng ta đã gặp. Điềm then chốt là chúng ta có từ bỏ được chướng, từ bỏ bằng cách nào? Về sự có thì không sao, nhưng trong tâm tuyệt đối không có. Về sự, về sự cứ tùy duyên, có rất tốt, không có cũng tốt, đừng để nó trong lòng. Tin tưởng sâu sắc, nhất tâm trú vào danh hiệu Phật A Di Đà, nghĩa là nhất tâm trú vào đạo vô thượng, trú vào chỗ của Phật Di Đà. Tin rằng có Chư Phật hộ niệm, Long thiên thiện thần quan tâm, còn lo gì nữa!

Pháp sư Lạc Quán hôm trước tôi nói pháp sư Lạc Quán viết những câu chuyện về Phật sống ở Kim Sơn. Đồng học chúng ta đã tìm thấy cuốn sách này, chúng ta sẽ nhanh chóng ấn tống, nó là cuốn sách mỏng, để cúng dường đại chúng. Quý vị thấy truyền kỳ của Phật sống Kim Sơn, trong đó không có gì khác, chính là buông bỏ triệt để.

Hiện nay con người tham nhất là tiền, hình như cuộc đời của Phật sống Kim Sơn đoạn tuyệt với tiền bạc. Tiền người khác cúng dường, ngày xưa còn có tiền đồng, tiền tệ, ngài cầm được thì như thế nào? Ăn mất, cúng ngài tiền giấy, ngài cũng vo tròn lại nuốt mất. Nhưng không hề bị bệnh, ngài rất có bản lĩnh tiêu hóa, đúng là không thể nghĩ bàn. Không có gì khác, ngoài buông bỏ triệt để. Suốt đời trên thân chỉ mang một bộ áo quần, ngoài ra không có. Trong một cái quần ngắn, ngoài một quần dài, suốt đời luộm thuộm như thế. Chưa từng giặt quần áo, cũng chưa hề tắm, tiêu dao tự tại biết bao! Rất nhiều người tin theo ngài, mọi người đều xem ngài như Phật sống. Bất kỳ bệnh hoạn khó khăn gì, ngài đều có cách trị liệu.

Pháp sư Lạc Quán từng sống với ngài bốn tháng, nói với chúng tôi: Ngài thật sự có thần thông. Cuộc sống hằng ngày ngài không có quy luật, đích thực có chút giống với Tế Công thời nhà Tống, kiểu người như vậy,

ăn cơm cũng không nhất định. Pháp sư Lạc Quán ở với ngài, có một lần thấy ngài ăn hết 18 bát cơm và thêm một bát mì. Đối với sự cúng dường của đại chúng, ngài chưa từng từ chối. Người ta mời ngài ăn cơm, người này đơm một bát cho ngài, người kia cũng đơm một bát cho ngài, ngài đều ăn hết. Lúc đó pháp sư Lạc Quán cũng ngồi bên cạnh, liền nói với những vị Phật tử này, quý vị đừng hại ngài nữa, quý vị thấy như vậy con người có thể chịu được sao? Ngài quay qua nói với pháp sư Lạc Quán: Không tăng không giảm. Pháp sư Lạc Quán nghe thế, cảm thấy rất kỳ lạ, không biết phải làm sao, không ngờ ngài đã nói không tăng không giảm. Cũng tức là nói, ăn như không ăn, một hai tuần không cho ngài ăn cũng không sao, ngài là một người như vậy. Tâm địa thanh tịnh bình đẳng giác, trên đề kinh này ngài đều đạt được hết.

Bình thường tu hành, ngài cũng niệm một câu Phật hiệu. Ngài niệm câu Phật hiệu này, ở trước thêm vào hai chữ: “Ai niệm Nam Mô A Di Đà Phật a”, ở sau thêm chữ A. “Ai niệm Nam Mô A Di Đà Phật a”, trong câu niệm Phật của ngài mang đậm ý của thiên vị. Mà đa phần đều niệm Phật vào buổi tối, tiếng rất lớn khiến mọi người đều không thể ngủ. Nói cách khác, âm thanh niệm Phật của ngài, đại chúng xung quanh đều nghe được. Ngài ở đó truyền pháp, nhắc nhở mọi người niệm Phật.

Câu chuyện này đáng để chúng ta xem, vì đầu năm dân quốc thật sự có người này, thật sự có việc này. Đây không phải là hư cấu, là câu chuyện có thật, đều là làm chứng chuyện cho chúng ta.

Mấy câu ở đây vô cùng quan trọng, nhất định phải biết. “Vì niệm Phật tức đạo tối thắng vô thượng thượng, vãng sanh nhất định chứng niết bàn. Lại đúng lúc đang niệm Phật, tâm tác tâm thị, ngay lúc đó, tức lúc vô thượng thượng giải thoát”. Đây là gì? Chúng ta bình thường, công phu niệm Phật sâu hay cạn không phải thời gian lâu, tu hành lâu, không phải vậy. Công phu đích thực là do nhất niệm này thuần hay không thuần. Cổ nhân nói tịnh niệm tương tục, một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Nghĩa là nhất niệm đó có tương ưng hay không?

Thế nào gọi là tương ưng? Tịnh niệm chính là tương ưng. Bồ Tát Đại Thế Chí nói: Tịnh niệm tương tục. Tịnh niệm là tâm thanh tịnh, nhất niệm này tương ưng. Ngày nay chúng ta niệm Phật, dù niệm nhiều đến đâu, tâm vẫn không thanh tịnh. Như vậy chúng ta là uế, tương phản với tịnh, chúng ta là uế tâm niệm Phật, tâm nhiễm ô niệm Phật, nên hiệu quả thua xa tịnh niệm. Chúng ta vẫn chưa buông được, không nỡ buông bỏ thế gian này. Trong kinh nói rõ ràng rằng, trong tất cả pháp thế xuất thế

gian không thể sánh được. Chúng ta đối với tất cả pháp thế xuất thế gian, luôn có vướng bận, thường không buông được. Không có cách nào, thật sự không buông được, vì sao vậy? Vì ngày ngày ta phải sống, ta còn có ngày mai, còn có sang năm, ta nghĩ quá nhiều!

Phải dùng cách gì? Ở trước tôi có nói với chư vị, đại sư Ấn Quang mỗi ngày đều nghĩ đến “chết”. Từ đây tôi lãnh ngộ được một điều, tôi mỗi ngày nghĩ đến hôm nay là ngày cuối cùng tôi ở thế gian, không có ngày mai. Sớm ngày mai thức dậy, sao lại có thêm một ngày? Đây là ngày cuối cùng, tuyệt đối không nghĩ đến chuyện ngày mai, chỉ có hôm nay, hôm nay tôi nên làm những gì? Nên niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, những việc khác phải triệt để buông bỏ, vì sao vậy? Đều là giả, tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh. Bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, đều buông bỏ hết, chúng ta trở về với tịnh niệm tương tục. Hiệu quả này rất lớn, vì sao vậy? Vì mỗi niệm đều tương ưng với Phật A Di Đà.

Thật vậy, cổ nhân nói không sai: “Một niệm tương ưng một niệm Phật”, “tâm tác tâm thị”. Tâm vốn là Phật, ngày nay ta niệm Phật A Di Đà tức là làm Phật, ta vốn là Phật, bây giờ ta muốn làm Phật, không phải ngay lúc này đã thành tựu rồi sao? Vấn đề này giống với Thiền tông, cùng một nguyên lý. Vị thầy Tông môn thường hỏi học trò, anh biết chăng? Tịnh tông cũng không ngoại lệ, quý vị biết niệm chăng? Biết niệm và không biết niệm khác nhau rất lớn.

Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, tiếp xúc với rất nhiều người, đưa ra rất nhiều vấn đề, những vấn đề này là gì? Đều là lời vô dụng, đều là vọng niệm, vọng tưởng, là những thứ cần buông bỏ. Nếu tu Tịnh độ, mà còn có nhiều vọng niệm đến thế, như vậy là chưa tu. Ta vì đạo tràng, vì chúng sanh, đó là giả, vì sao vậy? Nếu là tịnh niệm tương tục, nhất định được Chư Phật Như Lai gia trì, Phật A Di Đà hộ niệm, Long thiên thiện thần giúp đỡ xử lý những tạp vụ này, không cần ta bận tâm, nhất tâm chuyên niệm. Chúng ta cũng tin rằng, không quá ba năm sẽ thành công, quý vị sẽ làm Phật. Đạo lý này không thể không hiểu, mỗi câu mỗi chữ trong kinh nói là chân lý.

Câu “tâm tác tâm thị”, là nòng cốt lý luận của Tịnh tông. Vì sao quý vị có thể vãng sanh thành Phật, đạo lý chính là ở chỗ này.

Bên dưới nói: “Ngày nay Đức Thế Tôn diễn thuyết diệu pháp của Phật Di Đà, nên trú nơi Phật Di Đà trú, làm điều Di Đà làm, nghĩ điều Di Đà nghĩ, nên gọi là trú vào đạo tối thắng chỗ của chư Phật trú”. Đây

là điều chúng ta cần phải học. Người tu học Tịnh độ, đối với trú, hành, danh, ba chữ này là tự hành hóa tha, ở đây Đức Phật làm gương cho chúng ta. Ngày nay Đức Thế Tôn cần phải diễn thuyết diệu pháp của Phật A Di Đà, vì chúng ta mà diễn thuyết. Diễn là biểu diễn, thuyết là nói rõ. Dem tánh tướng, lý sự, nhân quả của thế giới Cực Lạc giới thiệu tường tận rõ ràng cho chúng ta, nên ngài trú nơi chỗ của Phật A Di Đà. Chỗ ở của Đức Phật Di Đà ở đâu? Nói một cách đơn giản, nghĩa là trú vào A Di Đà Phật. Bản thân Phật A Di Đà không trú nơi Phật A Di Đà, tín tâm của họ sẽ mất đi. Chúng ta hiểu Phật A Di Đà nghĩa là sao, là vô lượng trí tuệ, vô lượng giác ngộ. Về lý mà nói, chư Phật Như Lai trú trong thường tịch quang, thường tịch quang là nơi ở của chư Phật Như Lai, Phật Di Đà đương nhiên cũng không ngoại lệ.

Thường tịch quang là gì? Là không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Thường tịch quang tồn tại khắp nơi, tồn tại mọi lúc, không nơi nào không có. Nói cách khác, mọi lúc mọi nơi đều là thường tịch quang. Vì sao chúng ta không thể chứng được? Vì chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng được, chính là ý này.

Bây giờ chúng ta đã có thể nói là khá quen thuộc, vì thời gian huân tu kinh giáo cũng rất lâu, đều biết không chấp trước đối với tất cả pháp thế xuất thế gian. Buông bỏ chấp trước, thật sự buông bỏ, chứng được quả A la hán. Tiếp tục buông bỏ phân biệt, không còn phân biệt, đoạn tận trần sa phiền não, là thành Bồ Tát. Sau cùng là không khởi tâm không động niệm, đoạn tận căn bản vô minh, căn bản vô minh là khởi tâm động niệm, tức thành tựu vô thượng chánh đẳng chánh giác, thành Phật. Cảnh giới này trong Kinh Hoa Nghiêm, là viên giáo sơ trụ trở lên, vào được cảnh giới này.

Trong Kinh Kim Cang nói: “Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, vô sở trụ nghĩa là không trú vào chấp trước, không trú vào phân biệt, không trú vào khởi tâm động niệm. Nhi sanh kỳ tâm là gì? Cảm ứng đạo giao với tất cả chúng sanh trong mười pháp giới. Chúng sanh có cảm, chúng sanh giống như sóng điện vô tuyến hiện nay, họ là đài phát xạ. Sóng mà họ phát ra, chúng ta nhận được hết, khi nhận được ta sẽ hồi đáp lại. Mỗi người đều là một đài phát xạ, cũng là một đài tiếp nhận, Chư Phật Bồ Tát cũng đều như vậy. Thậm chí trong kinh điển đại thừa Đức Phật dạy chúng ta: Chánh báo là đầu của sợi lông, y báo là một hạt bụi, nó cũng là đài tiếp thu, cũng là đài phát xạ. Trong một sợi lông, một hạt bụi đều có tánh đức viên mãn. Nói cách khác, dùng thuật ngữ khoa học hiện nay nói, đều có tin tức viên mãn khắp biến pháp giới hư không giới. Phát xạ

không ngừng, mỗi niệm mỗi niệm đều đang phát xạ. Một niệm này là 1600 triệu trên một giây, một niệm, một giây có bao nhiêu niệm? 1600 triệu niệm, xưa nay chưa hề ngừng. Quý vị thử nghĩ xem, mỗi đầu sợi lông, một hạt vi trần đều là như vậy.

Trong Hoàn Nguyên Quán nói về ba loại chu biến, ý niệm vừa khởi liền phát ra chu biến pháp giới. Tế bào của chúng ta, một hạt vi trần này cũng thu nhận, không phải không tiếp thu. Tin tức của tất cả chư Phật Bồ Tát khắp biến pháp giới hư không giới, chúng ta cũng đều thu nhận được. Nhận được vì sao không khởi tác dụng? Vì đang mê, mê mà không giác, giác liền khởi tác dụng, là vì mê! Vì sao mê? Đầu tiên là khởi lên cái ta, chấp trước có cái ta, nhưng trên thân này không tìm thấy cái ta. Thân là sắc pháp, không tìm thấy cái ta, trong tâm cũng không tìm thấy cái ta, tâm là gì? Là thọ tướng hành thức, trong thọ tướng hành thức cũng không tìm được cái ta. Căn bản không có cái ta, vì sao lại kiên cố chấp trước có cái ta? Đây là phàm phu lục đạo, là nhân tố đầu tiên không tỉnh ngộ được. Họ không thức tỉnh rằng, vốn không có cái ta, vì sao lại chấp trước đến thế?

Khi phá trừ được ngã chấp, trên đường đạo bồ đề sẽ thuận buồm xuôi gió. Đặc biệt là phương pháp niệm Phật này, đúng như cổ nhân nói: “con đường nhanh lại rất nhanh trong các con đường”. Đó là gì? Là con đường gần nhất, không ngoằn ngoèo, trực tiếp nhanh chóng, là con đường dễ đi, không phải đường khó đi. Ngày nay chúng ta đi một cách khó khăn như thế, không có gì khác, chỉ vì ngã chấp, chấp trước cái ta quá nghiêm trọng, không biết rằng trong thân tâm đều không tìm thấy cái ta. Khi đã buông bỏ triệt để, chân ngã liền hiện tiền. Không phải không có cái ta, có! Thường lạc ngã tịnh.

Quý vị thấy, trong tự tánh có bốn tịnh đức. Thường là vĩnh hằng bất sanh bất diệt, lạc là lìa khổ, vĩnh viễn không có khổ, khổ vui đều không có. Chân ngã, ngã là gì? Ngã là giải thoát, ở trước gọi là giải thoát đức. Ở sau có một chữ tịnh, thanh tịnh. Người minh tâm kiến tánh hoàn toàn nhìn thấy, khi ngài Huệ Năng kiến tánh, quý vị thấy câu đầu tiên ngài nói đến thanh tịnh: “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, tịnh đức. Câu thứ hai nói: “đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”, thường đức, đó là thường. “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, đó là ngã, đó là cái ta thật không phải giả. Hai câu sau là lạc: “Vốn không dao động”, “năng sanh vạn pháp”, an vui biết bao, được đại tự tại!

Đây là điều tất cả người tu học đại thừa mong cầu, không dễ thành tựu, cửa ải ở chỗ phiền não khó đoạn, đặc biệt là cửa ải đầu tiên. Phá

thân kiến, phá biên kiến, phá kiến thủ, giới thủ, tà kiến, đây là cửa ải đầu tiên. Phá cửa ải đầu tiên là vào được cửa, thành tựu nhanh hay chậm đều do thiện căn, phước đức, nhân duyên của quý vị. Người đồng mãnh tinh tấn, nhân duyên thù thắng, khi gặp được pháp môn Tịnh độ, thành tựu ngay trong đời này, đạt được cảnh giới này.

Ba căn tánh thượng trung hạ không gặp được pháp môn này, đều không thể thành tựu, cũng tức là nói không ra khỏi luân hồi lục đạo. Vượt khỏi luân hồi lục đạo, trong Phật pháp gọi là tiểu thành tựu, không phải đại thành tựu. Câu này ý nghĩa rất sâu xa: “trú vào chỗ của Phật Di Đà trú, làm việc Phật Di Đà Làm, nghĩ điều Phật Di Đà nghĩ, nên gọi là trú trong đạo tối thắng của chư Phật trú”.

Hôm nay thời gian đã hết, câu này ngày mai chúng ta học tiếp, ý nghĩa của nó rất sâu xa, vô cùng quan trọng.

Hết tập 143